

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 07 năm 2019)

Sơn La, tháng 04 năm 2020

Trang 1

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7.
Trụ sở chính	:	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng đại diện	:	Ô 36, V5A, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024.666.80228.
Website	:	songda7.com.vn
Giấy CNDKKD	:	Số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019
Mã số thuế	:	5400105091
Vốn điều lệ	:	106.000.000.000 (Một trăm linh sáu tỷ đồng)
Mã cổ phiếu	:	SD7

Quá trình hình thành và phát triển

+ Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

+ Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 5400105091 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25/02/2019.

+ Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006 đến ngày 25/05/2018 chuyển xuống giao dịch tại sàn Upcom.

+ Các sự kiện khác:

Trang 2

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Từ năm 2002-2006: Công ty tham gia thi công Thủy điện Tuyên Quang có công suất 342 MW là công trình thủy điện lớn thứ 3 miền bắc tại thời điểm đó với tư cách là một trong những đơn vị thi công chính. Các hạng mục công trình do Công ty thi công được chủ đầu tư và tổng thầu đánh giá cao về tiến độ và chất lượng công trình.
- Từ năm 2004-2011: Công ty tham gia thi công 3/6 tổ máy Thủy điện Sơn La có công suất 2.400 MW là công trình Thủy điện lớn nhất Đông Nam Á. Bên cạnh đó Công ty còn được Tổng công ty Sông Đà giao nhiệm vụ là đơn vị thi công trình công trình Thủy điện Nậm Chiến có công suất 200 MW. Công ty đã góp phần tích cực trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công để đưa nhà máy Thủy điện Sơn La phát điện sớm 2 năm so với tiến độ đề ra.
- Từ năm 2010 đến 2017: Công ty tiếp tục được tin tưởng giao nhiệm vụ là một trong những đơn vị thi công chính Thủy điện Lai Châu có công suất 1.200 MW và là thành viên của tổ hợp nhà thầu thi công thủy điện Bản Chát có công suất 220 MW.
- Từ năm 2017 đến nay Công ty Tập trung quyết toán tại các công trình mà công ty đã thi công và tham gia làm nhà thầu chính tại Công trình thủy điện Nậm Thi 2 tại Lai Châu.
- Đầu năm 2019 Công ty đã thoái vốn tại công ty CP Thủy điện Nậm He nhằm thu hồi một phần vốn góp do Công ty này làm ăn thua lỗ có nguy cơ mất vốn.
- Từ tháng 08/2018 Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 do Công ty góp vốn đã đi vào hoạt động phát điện thương mại Với Công suất 8MW. Năm 2019 là năm có điều kiện khí hậu hạn hán nên Nhà máy thủy điện Nậm Thi không mang lại hiệu quả.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 500 Kv;
- Xây dựng công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;

- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; môi giới, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị Công ty: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty liên kết

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm trong đó có 1 thành viên không điều hành. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp t/hường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 02 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng

ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

1. Ông **Nguyễn Hữu Doanh** Tổng giám đốc
2. Ông **Nguyễn Văn Bút** Phó tổng giám đốc

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Phòng kỹ thuật công nghệ có chức năng chính về công tác kỹ thuật, tổ chức thi. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;

- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biên pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Phòng kỹ thuật chất lượng có chức năng chính về công tác kỹ thuật, tổ chức thi công quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất

- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ ĐẦU TƯ

Phòng Kinh tế Đầu tư có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phân xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc

khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phần xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phân ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đơn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

Các Công ty liên kết:

TT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai	Xây lắp và sản xuất công	41.746.413.455	34,81

		Châu	ngiệp		
--	--	------	-------	--	--

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Trên cơ sở tình hình thực tế của công ty hiện nay, công tác tìm kiếm việc làm xây lắp thông qua đấu thầu gặp rất nhiều khó khăn do tiêu chí tài chính không đáp ứng được hồ sơ mời thầu. Vì vậy trong giai đoạn 2020-2021, Công ty CP Sông Đà 7 sẽ định hướng ngành nghề như sau:
 - ✓ Tập trung thu hồi công nợ phải thu.
 - ✓ Tiếp tục tìm kiếm nguồn việc xây lắp phù hợp với năng lực của công ty, trong đó tập trung vào các thủy điện vừa và nhỏ.
 - ✓ Xây dựng chiến lược chuyển hướng kinh doanh từ xây lắp sang kinh doanh BĐS và đầu tư tài chính khi có đủ năng lực tài chính.

5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2019, kinh tế thế giới và trong nước đã phục hồi và đang tăng trưởng ổn định, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Sông Đà 7 trong việc tìm kiếm công việc để mở rộng sản xuất kinh doanh tuy nhiên do công ty có chưa đủ năng lực tài chính nên không thể cạnh tranh với các đối thủ.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam đang chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới và năm 2019 mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt mức cao trong những năm gần đây. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước như vậy, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng đang phục hồi và đây cũng là thuận lợi tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới quy mô sản xuất, khả năng tăng trưởng, phát triển của ngành xây dựng nói chung cũng như Sông Đà 7 nói riêng.

Lạm phát

Các vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực, lạm phát Việt Nam đang tiếp tục được duy trì ở mức ổn định hợp lý. Với các chỉ số và các dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong đó có Sông Đà 7.04.

Lãi suất

Hiện nay, Sông Đà 7 về cơ bản đã thanh toán hết toàn bộ nợ gốc cho ngân hàng và các tổ chứng tín dụng nên không bị rủi ro về lãi suất vay vốn.

▪ RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 là Công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

▪ RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

▪ RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các hạng mục năm trước chưa hoàn thành tại công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện bản chất
- Cho thuê văn phòng làm việc tại tầng 7 tòa nhà Sông Đà quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty CP thủy điện Nậm He
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ

Trang 10

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

để tiết giảm chi phí quản lý.

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Ghi chú
1	Giá trị SXKD	Tỷ đ	55,7	34,2	
2	Doanh thu	Tỷ đ	52	63,5	
3	Các khoản nộp Nhà nước	Tỷ đ	6	6,5	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	2,5	1,66	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	2,5	1,66	
6	Thu nhập BQ/1 CBCNV/tháng	Tr. đ	8	8,5	

- **1.2. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2018 so với kế hoạch và so với năm 2018**

a. So với kế hoạch năm 2019 cụ thể như sau:

- Sản lượng của Công ty thực hiện năm 2019 là: 34.2 tỷ đồng trên 55,7 tỷ đồng là do trong năm công ty không tìm được việc làm như dự kiến.
- Doanh thu Công ty năm 2019 là 63,5 tỷ đồng/Kh 52 tỷ đồng là do trong năm Công ty đã bảo vệ được đơn giá, khối lượng trước kiểm toán nhà nước tại công trình mà Công ty thi công.
- Lợi nhuận năm đạt 2019 là 1,66 tỷ đồng/KH – 2,5 tỷ do trong năm công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP Sông Đà 7.02 cao hơn kế hoạch.

b, So với kết quả SXKD năm 2018

- Sản lượng năm 2019 giảm so với năm 2018 chủ yếu do công việc tại các công trình đơn vị thi công như Thủy điện Lai Châu, thủy điện bản chất đã hết việc. Công trình thủy điện Nậm Thi 1 chưa triển khai.
- Doanh thu giảm so với năm 2018 là do Công tác quyết toán tại các công trình đã cơ bản hoàn thành, Công ty chưa tìm được công việc mới.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Danh sách Ban điều hành**

- **Giám đốc công ty**

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Doanh
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/9/1968
- Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Căn cước công dân: 001068013252 Cấp ngày 14/03/2018
- Nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 024.666.80228.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 07/1987 - 12/1994: Công ty XD Công trình ngầm - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 01/1995 - 12/1996: Công ty XD Sông Đà 8 - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 03/1997 - 06/2002: Học đại học Xây dựng
 - ✓ Từ 07/2002 - 01/2004: Đội trưởng đội Xây lắp số I - Công ty XD Sông Đà 7
 - ✓ Từ 02/2004 -12/2007: Giám đốc XN Sông Đà 7.04 - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 01/2008 - 7/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 8/2010 - 5/2012: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 5/2012 – T04/2016: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 5/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7, chủ tịch Công ty CP Sông Đà 7.04.
 - ✓ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty CPTĐ Cao Nguyên Sông Đà 7.
- Số cổ phiếu SD7 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2019) : 2.602.100 Cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Nguyễn Trọng Bắc - Phó Tổng giám đốc**
 - Họ và tên: Nguyễn Văn Bút
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 01/9/1958
 - Nơi sinh: Văn Phú - Thường Tín - Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú: Tổ 18 - P. Văn Phú – Q. Hà Đông -TP Hà Nội
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437878230
 - Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1983 – 1984 Làm kỹ thuật
 - ✓ Từ 1985 – 1986 Làm Phó phòng QLCG Công ty Sông Đà 7
 - ✓ Từ 1987 – 1989 Làm Phó Quản đốc các phân xưởng S/c bê tông
 - ✓ Từ 1990 – 1993 Làm PGĐ Xi nghiệp
 - ✓ Từ 1994 – 2001 Làm PGĐXN sau đó làm Trưởng phòng QLCG
 - ✓ Từ 2002 làm PGĐ Công ty Sông Đà 7
 - ✓ Công tác liên tục ở Công ty Sông Đà 7 từ 1983 đến 2019
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.02
- Số cổ phiếu SD7 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2019) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Kế toán trưởng**
 - Họ và tên: Đặng Quang Hiệu
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1984
 - Nơi Sinh: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
 - Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.666.80228.
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2009 – T04/2011 Nhân viên kế toán tại Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T05/2011- T06/2012 Kế toán trưởng CN Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ T07/2012 – T12/2014 Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ T04/2015 – T12/2015 Nhân viên P.TCKT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2016 – T07/2016 Phó KTT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T08/2016 – T10/2016 Quyền KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T11/2017 – Nay KTT tại Công ty CP Sông Đà 7

- Chức vụ công tác hiện nay: KTT Công ty CP Sông Đà 7 kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7, trưởng BKS công ty CP Sông Đà 7.04.
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2019): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- **Những thay đổi trong Ban điều hành: Không**
- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**
 Tổng số lao động bình quân năm 2019 là 26 người đến 31/12/2019 là 24 người. Do chưa tìm được công việc mới nên trong năm đã giảm. Đơn vị chỉ giữ lại những lao động cốt cán để giữ người.

- **Chính sách đối với người lao động:**

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Hệ thống lương của Sông Đà 7 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 2005. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- **Các khoản đầu tư lớn:** Không
- **Các công ty liên kết**
- Công ty CP Sông Đà 7.02

Công ty CP Sông Đà 7.02 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành đưa dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đi vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018 . Trong năm 2019 do điều kiện thiên nhiên hạn hán nên nhà máy thủy điện Nậm Thi bị lỗi.

Trước năm 2015 hoạt động chính của Công ty xây lắp, sản xuất công nghiệp tại các dự án thủy điện Sơn La, Bản chát, Lai Châu, Sử Pán 2 và các phát sinh khối lượng, giá trị dở dang, công nợ phải thu tại các dự án này đến nay vẫn chưa được quyết toán, thu hồi dứt điểm. Từ năm 2015 đến nay Công ty CP Sông Đà 7.02 chỉ tập trung vào việc đầu tư và thực hiện dự án thủy điện Nậm

Thi 2.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Tổng tài sản	254.792.102.391	229.702.316.414	
2	Doanh thu thuần	64.134.486.659	63.511.356.976	
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(9.170.076.822)	907.929.668	
4	Lợi nhuận khác	10.203.564.187	760.992.941	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.033.487.365	1.668.922.609	
6	Lợi nhuận sau thuế	1.033.487.365	1.668.922.609	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,44	1,74	
	- TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,44	1,74	
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1,22	1,74	
	- (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,22	1,74	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,53	0,47	
	+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,121	0,886	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			

	- Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	1,044	3,219	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,25	0,285	
4	Chỉ tiêu sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu	2%	2,6%	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,9%	1,3%	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,4%	0,72%	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- **Cơ cấu cổ đông:**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2019:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Nguyễn Hữu Doanh	Villa 1-07,KNƠ & TTTM phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP Hà Nội	001068013252	2.602.100	24,54%
2	Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7	Thôn Lán Tranh, xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	5800519428	2.500.000	23,58%
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	112297465	800.000	7,55%
	Tổng cộng			4.064.672	55,68%

- **Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 20/04/2020:** Tại ngày 20/04/2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên Công ty chưa chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 .
- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2019 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.
- **Giao dịch chứng khoán khác:** Trong năm 2019 Ông Nguyễn Hữu Doanh chủ tịch hội đồng quản trị

mua 1.500.000 cổ phần SD7 .

- Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7 người nội bộ của Chủ tịch hội đồng quản trị, Kế toán trưởng công ty đã mua 2.500.000 cổ phần SD7

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2019 tiếp là một năm khó khăn đối với Công ty CP Sông Đà 7 các dự án Thủy điện lớn đã không còn trong khi Thủy điện Lai Châu đi vào phát điện. Khó khăn lớn nhất của Công ty là vốn ít, Công ty bị thua lỗ 03 năm liên tiếp, công tác tìm kiếm công việc chưa đạt hiệu quả ảnh hưởng đến thu nhập và việc làm của CBCNV.
- Một số công trình đã thi công xong từ lâu nhưng do chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán nên công nợ phải thu còn rất lớn. Điều này làm Công ty không có nguồn tài chính thanh toán cho khách hàng, nộp thuế. Mặt khác các đơn vị mà Sông Đà 7 tham gia góp vốn đều đang bị thua lỗ nên Công ty đã phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư này làm giảm đáng kể hiệu quả SXKD của Công ty.
- Nguyên nhân chính dẫn đến việc Tổng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu không đạt so với kế hoạch là do:
- Toàn bộ các công trình công ty tham gia thi công, sản xuất vật liệu đều đi vào giai đoạn hoàn thành và chuyển giao sang vận hành thương mại.
- Việc tổ chức tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án, công trình mới gặp rất nhiều khó khăn do trước đây công ty chủ yếu được làm các công trình chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Nguồn tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	55,7	34,2	
2	Doanh thu	Tỷ.đ	52	63,5	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	6	6,5	
4	Lợi nhuận		2,5	1,66	
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	2,5	1,66	
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	2,5	1,66	

5	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	8	8,5	
6	CBCNV bình quân	Người	68	26	

2. Đánh giá các mặt quản lý điều hành:

- **Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất**

- Trong năm 2019 Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo các bộ phận và phòng ban chức năng của Công ty thực hiện giải quyết các tồn tại, vướng mắc tại công trình mà đơn vị tham gia thi công, tiếp tục công tác quyết toán tại Công trình thủy điện Lai Châu.
- Cho thuê khối văn phòng tại tòa nhà HH4 Tổng công ty Sông Đà giảm chi phí quản lý.

- **Công tác tái cấu trúc và nâng cao quản trị doanh nghiệp**

- Tiến hành sắp xếp, định biên bộ máy gián tiếp để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả công tác trong công tác quản lý điều hành, sản xuất; tăng cường công tác quản lý nội bộ, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và nâng cao hiệu quả công tác trong công tác quản lý điều hành, sản xuất; tăng cường công tác quản lý nội bộ;
- Tập trung công tác thu vốn tại thủy điện Lai Châu, Bản Chất lấy nguồn tài chính nộp thuế, trả nợ nhà cung cấp.

- **Công tác tuyển dụng đào tạo, tổ chức nhân sự:**

- Đã thực hiện tốt công tác giải quyết chế độ cho CBCNV đến tuổi nghỉ hưu và những người nghỉ công tác, Chi trả tiền lương kịp thời cho người lao động.

- **Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động:**

- Đã thường xuyên tăng cường kiểm tra, kiểm soát theo biện pháp và tiến độ thi công đã được phê duyệt để đảm bảo khối lượng, chất lượng, tiến độ công trình.
- Đã tuân thủ quy trình về các bước hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu thanh toán.
- Công tác an toàn lao động đã được đảm bảo, không để tai nạn lao động xảy ra.

- **Công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ**

- Tại thủy điện Lai Châu: Phối hợp với chủ đầu tư, các nhà thầu liên quan bảo vệ khối lượng, giá trị trước kiểm toán nhà nước. Đã hoàn thành công tác quyết toán Khối lượng xây lắp với chủ đầu tư bao gồm: Chi phí ăn ca, Chi phí đưa đón CBCNV và Bê tông lẹm.
- Thủy điện Bản Chất: Tiếp tục cử cán bộ bám sát để thu hồi công nợ.
- Thủy điện Hố Hô: Vẫn tiếp tục cử cán bộ tích cực bám sát Chủ đầu tư nhằm thu hồi công nợ và

phê duyệt phân khối lượng, giá trị phát sinh, tuy nhiên Chủ đầu tư gặp khó khăn về tài chính, thường xuyên tìm cách trì hoãn, không hợp tác.

- Khu biệt thự Vườn Cam: Đã lên toàn bộ phiếu giá xuất hóa đơn tài chính. Đang làm thủ tục thanh lý hợp đồng.

- **Công tác kinh tế - kế hoạch**

- Tại thủy điện Lai Châu: Đã hoàn thành lên toàn bộ phiếu giá về Chi phí ăn ca, Chi phí đưa đón CBCNV và Bê tông lẹm.
- Tại thủy điện Bản Chát: Kết hợp với Chủ đầu tư giải quyết xong các vướng mắc kinh tế tại công trình.

- **Về công tác tiếp thị đấu thầu:**

- Trong năm 2019, công ty chưa nhận được thêm công trình nào thông qua hình thức đấu thầu.

- **Công tác tài chính - tín dụng**

- Thoái vốn tại công ty cổ phần thủy điện Nậm He
- Trong năm tài chính đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính với tổng giá trị trích lập là 12 tỷ đồng.
- Tập trung thu hồi công nợ để thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước cụ thể như sau:
 - + Thực hiện giảm công nợ tại công trình thủy điện Lai Châu từ 49 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2018) xuống còn 31,8 tỷ đồng (Thời điểm 31/12/2019).
 - + Đã thanh toán toàn bộ tiền bảo hiểm cho bảo hiểm xã hội Sơn La, Nộp thuế vào ngân sách nhà nước 5,5 tỷ đồng.
 - + Chi trả lương và chế độ kịp thời cho người lao động.

3. Những tồn tại yếu điểm cần khắc phục

- **Trong công tác quản lý kinh tế tài chính:**

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm cơ bản có hiệu quả tuy nhiên đây là do quyết toán giá trị dở dang tại các công trình mà công ty đã thi công trong quá khứ, chưa tìm kiếm được việc làm mới. Tình hình tài chính đã được cải thiện hơn so với năm trước nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong công tác thu hồi công nợ
- Công tác thu hồi công nợ tại một số công trình chưa đạt hiệu quả dẫn đến nguồn tài chính luôn trong tình trạng thiếu vốn.
- Công tác thu hồi công nợ cá nhân chưa đạt hiệu quả cao.

- **Thực hiện các chế độ chính sách:**

- Các chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chưa hiệu quả, một số cán bộ có kinh nghiệm xin chuyển công tác gây ảnh hưởng đến chất lượng cán bộ và hiệu quả sản xuất.
- Chưa hoàn thành nghĩa vụ tiền thuế với ngân sách nhà nước. chủ yếu là tiền phạt chậm nộp từ những năm trước.
- Đảm bảo việc làm cho 26 CB CNV với thu nhập bình quân đạt trên 8.500.000 đồng/người/tháng, thường xuyên chăm lo đời sống văn hóa tinh thần, đảm bảo đầy đủ phúc lợi xã hội cho CBCNV; Công tác thanh toán tiền lương cho CBCNV đã được được quan tâm chỉ đạo nhưng đôi khi còn chậm do các Chủ đầu tư thiếu vốn chậm thanh toán cho Công ty.
- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm chưa đạt hiệu quả cao và các tồn tại tài chính lớn nhưng các biện pháp để bù đắp tài chính chưa hiệu quả, các giải pháp chưa cụ thể.
- Công tác thu vốn chậm và thu hồi công nợ tại một số công trình chưa đạt hiệu quả dẫn đến nợ đọng tiền thuế lớn làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD.
- Công tác thu hồi công nợ cá nhân chưa đạt hiệu quả cao.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- **Tình hình tài sản**

Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 là 229,7 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 182.6 tỷ đồng chiếm 79,5 % và tài sản dài hạn 47,018 tỷ đồng chiếm 20,5%. Trong năm 2019 giá trị Tổng tài sản có biến động giảm so với thời điểm 01/01/2019 là 25 tỷ đồng chủ yếu giảm ở các khoản hàng tồn kho, đầu tư tài chính dài hạn. phải thu khách hàng tăng và đầu tư tài chính ngắn hạn tăng này cho thấy Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng tập trung thanh quyết toán tại các Công trình đơn vị thi công và cơ cấu lại các tài sản cố định cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tổng tài sản			
-	Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,197	0,262
-	Hệ số sinh lợi tổng tài sản (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,074	0,068
2	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản ngắn hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản ngắn hạn (Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ)		0,258	0,341

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
-	Vòng quay Tài sản ngắn hạn (Giá vốn hàng bán/Tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,161	0,253
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	1,044	3,219
-	Kỳ thu tiền bình quân (Các khoản phải thu bình quân/Doanh thu thuần)*360 ngày	Ngày	1.168	918
3	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản dài hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản dài hạn (Doanh thu thuần/Tài sản dài hạn bình quân)		0,839	1,132

Năm 2019 Ban điều hành công ty chưa phát huy được hết năng lực của các loại tài sản của công ty, điều này được thể hiện rất rõ qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản nêu trên. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản đều ở mức rất thấp cho thấy việc sử dụng tài sản chưa tạo ra được nhiều doanh thu và lợi nhuận tương ứng với quy mô hiện có của tài sản.

- **Tình hình nợ phải trả**

Tính đến 31/12/2019 nợ phải trả của Công ty là 107 tỷ đồng giảm 27 tỷ đồng so với đầu năm, toàn bộ số nợ phải trả này chủ yếu là nợ ngắn hạn và có khả năng trả nợ. Trong đó người mua trả tiền trước giảm hơn 20 tỷ, chi phí phải trả ngắn hạn giảm hơn 17 tỷ. Năm 2019 Ban điều hành Công ty đã nỗ lực thu hồi công nợ và thực hiện quyết toán tại các công trình đơn vị tham gia thi công với chủ đầu tư và nhà thầu phụ.

5. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Ban điều hành Công ty đánh giá năm 2020 là một năm vô cùng khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi một số nguyên nhân:

- Do dịch Covid 19 kéo dài và còn tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ lây bệnh nên các công trường xây dựng bị tạm thời đóng băng dẫn đến ngành nghề chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
- Việc đấu thầu, tiếp thị tìm kiếm công việc mới gặp khó khăn do Công ty trước đây chủ yếu tham gia dự án theo hình thức chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Tình hình tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ .

Trước tình hình như vậy, Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tập trung thu hồi công nợ còn tồn đọng tại các dự án Công ty đã tham gia sản xuất, thi công -----000----- để có nguồn tài chính hoạt động. Khi có nguồn lực tài chính, tìm kiếm ngành nghề mới phù hợp với công ty như kinh doanh BĐS...
- Tập trung đôn đốc, giám sát hoạt động của các Công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư góp vốn để nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.
- Tổ chức, sắp xếp lại toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp điều kiện mới, môi trường mới.

6. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đối với ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 030420.002/BCTC.KT5 ngày 03/04/2020 do Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện Ban Tổng giám đốc đánh giá và cho rằng:

- **Giải trình về biến động lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm trước :**

Stt	Số tiền		Ghi chú
	2019	Năm 2018	
LNST	1.668.922.609	1.033.487.365	

Năm 2019 doanh thu hoạt động tài chính tăng nguyên nhân Công ty chuyển nhượng đầu tư tại Công ty CP Thủy Điện Nậm He do những năm trước đã trích lập dự phòng tài chính cho khoản đầu tư này. Bên cạnh đó chi phí lãi vay do vay vốn năm nay gần như không còn. Đây là nguyên nhân chính làm kết quả kinh doanh của Công ty biến động hơn 10% so với năm trước.

- **Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán**

- Khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn thừa: Công ty xác định giá trị hợp lý khoản đầu tư để trích lập dự phòng dựa trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh cầu đơn vị và giá trị thị trường cầu cổ phiếu tại thời điểm 21/12/2019. Công ty sẽ xem xét đánh giá lại khoản đầu tư để trích lập hợp lý.
- Số tiền trích dự phòng thiếu đối với khoản nợ phải thu: Do đặc thù của ngành xây lắp, các công trình của Công ty nằm rải rác tại nhiều địa bàn trên cả nước nên việc thanh quyết toán còn chậm trễ, qua nhiều thời kỳ, Việc đi đối chiếu và thu hồi mất nhiều thời gian. Theo đánh giá của Công ty khoản công nợ này vẫn thu hồi được. Trường hợp không thu hồi được Công ty sẽ tiến hành đánh giá và trích lập dự phòng đối với khoản công nợ này.
- Với khoản công nợ phải thu đối với Công ty CP thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: Đây là khoản tiền công ty chuyển để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7, tuy nhiên do điều kiện khách quan Hợp đồng này không được thực hiện. Đến thời điểm hiện tại Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7 đã trả lại tiền cho công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY,

TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy chế, quy định cũng như các Nghị quyết của HĐQT Công ty, cụ thể như sau:
 - **Ban hành các Nghị quyết, quyết định**
 - Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã ban hành 04 nghị quyết trong đó:
 - Nghị quyết về công tác SXKD và công tác khác: 04 nghị quyết
 - Ban hành 01 Quyết định về triệu tập đại hội đồng cổ đông năm 2019
 - **Công tác tái cấu trúc và nâng cao quản trị doanh nghiệp:**
 - Đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoàn chỉnh phương án sắp xếp lại tổ chức doanh nghiệp của Công ty CP Sông Đà 7 đã giảm thiểu được bộ máy gián tiếp, chi phí quản lý giảm đáng kể, bộ máy quản lý Công ty gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả hơn;
 - Đã chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật;
 - Đã chỉ đạo thực hiện rà soát, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty theo Quy chế phân cấp quản lý tổ chức, CBCNV và tiền lương của Công ty;
 - Đã thoái vốn tại Công ty CP thủy điện Nậm He.
 - **Công tác quản lý kỹ thuật chất lượng và ATVSLĐ:**
 - Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc rà soát khối lượng dở dang tại các công trình có tồn đọng lớn (kể các các dự án đang đầu tư của công ty).
 - Công tác ATVSLĐ: Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thường xuyên kiểm tra, duy trì hệ thống ATVSLĐ.
 - **Công tác Kinh tế:**
 - Xác định công tác kinh tế, kế hoạch có vị trí quan trọng trong công tác hoạch định và dự báo nên

Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, rà soát nhằm hạch toán minh bạch, chặt chẽ và là công cụ chỉ đạo điều hành SXKD.

- Chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2019 cho phù hợp với tình hình thực tế SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo Công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn tại các công trình;
- Chỉ đạo thực hiện phân tích hoạt động kinh tế định kỳ 6 tháng, 9 tháng và năm để có biện pháp chấn chỉnh khắc phục những tồn tại yếu kém

- **Công tác quản lý tài chính:**

- Chỉ đạo thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư, thoái vốn tại các Công ty con, các dự án đầu tư nhằm thu hồi một phần vốn đầu tư và có dòng tiền thanh toán các khoản vay nợ .
- Chỉ đạo rà soát các khoản công nợ, đặc biệt các khoản công nợ quá hạn, khó đòi để có biện pháp thu hồi, trích lập theo luật kế toán hiện hành

- **Công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ:**

- Chỉ đạo Ban tổng giám đốc tiếp tục kiểm tra, rà soát thủ tục đầu tư các dự án; theo dõi, đôn đốc, báo cáo về thực hiện các kết luận, quyết định của HĐQT về giải quyết các tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh Sông Đà 7 và các công nợ cá nhân.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Công ty đang trong giai đoạn tập trung cơ cấu lại tổ chức hoạt động và quyết toán, thu vốn tại các công trình; Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới...

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, Bản Chát
- Cho thuê tầng 7 tòa nhà Sông Đà quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tập trung dứt điểm công tác thu hồi vốn và công nợ tại công trình đã và đang tham gia thi công từ chủ đầu tư
- Chuyển hình thức kinh doanh BĐS và một số ngành khác khi đã thu hồi được công nợ.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 7.02.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1
- Xúc tiến tìm kiếm, đấu thầu tìm kiếm việc làm, dự án mới phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động và tăng lợi ích cho Công ty và các cổ đông

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách các thành viên HĐQT:

a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Doanh**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/9/1968
- Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Căn cước công dân: 001068013252 Cấp ngày 14/03/2018
- Nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 0437878230
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 07/1987 - 12/1994: Công ty XD Công trình ngầm - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 01/1995 - 12/1996: Công ty XD Sông Đà 8 - Tổng công ty XD Sông Đà
 - ✓ Từ 03/1997 - 06/2002: Học đại học Xây dựng
 - ✓ Từ 07/2002 - 01/2004: Đội trưởng đội Xây lắp số I - Công ty XD Sông Đà 7
 - ✓ Từ 02/2004 -12/2007: Giám đốc XN Sông Đà 7.04 - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 01/2008 - 7/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 8/2010 - 5/2012: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 5/2012 – T04/2016: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 5/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Công ty CP Sông Đà 7.04, chủ tịch kiêm giám đốc Công

ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.602.100 Cổ phần

b. Thành viên Hội đồng quản trị:

*** Thành viên thứ nhất :**

- Họ và tên: Trần Văn Tài
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1979
- Nơi sinh: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thôn Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi
- Quá trình công tác :
 - ✓ Từ 2004 – 2007: Công tác tại Xí nghiệp bê tông – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 2008 – 2011: Trưởng phòng quản lý vật tư cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 2011 – 2012: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ 2013 – 8/2015: Phó phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 9/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7, Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 9 CP

*** Thành viên thứ hai :**

- Họ và tên: Quất Văn Quang
- Ngày sinh: 04/08/1976
- Nơi sinh: xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Số CMND: 121332738
- Quê quán: xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: Dự án Tổng cục 5 Bộ Công an, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:

- ✓ Từ 2003-:-4/2004: Kỹ thuật - Công ty lắp máy Lilama
- ✓ Từ T4/2004-:-11/2004: Nhân viên- Phòng cơ giới Vật tư Công ty CP Sông Đà 5
- ✓ Từ T12/2004-:-01/2013: Trưởng ban – Vật tư cơ giới xí nghiệp Sông Đà 503- Công ty CP Sông Đà 5
- ✓ Từ T01/2013-:- đến nay: Trưởng phòng Vật tư Thiết bị Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Phòng Vật tư Thiết bị - Công ty CP Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Long
- Sinh ngày: 18 tháng 9 năm 1981
- Nơi sinh: Trạm y tế xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
- Thẻ căn cước công dân số: 001081016926 cấp ngày 27/11/2016.
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hồng Dương - Thanh Oai - Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Thôn Ngọc Đình xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Thủy Lợi.
- Chức vụ đơn vị công tác hiện tại: Phó phòng KT-ĐT Công ty Cổ phần Sông Đà 7.
- Tóm tắt quá trình công tác
 - ✓ Từ T06/2004-:-T06/2006: Nhân viên ban kỹ thuật Chi nhánh Sơn La
 - ✓ Từ T07/2006-:-T09/2007: Đội trưởng đội xây lắp số 5 xí nghiệp Sông Đà 703
 - ✓ Từ T10/2007-:-T09/2008: Khu trưởng Xí nghiệp Sông Đà 706
 - ✓ Từ T10/2008-:-T09/2009: Nhân viên ban kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 707
 - ✓ Từ T10/2009-:-T03/2010: Nhân viên rời làm phó ban Kinh tế - Kế hoạch Xí nghiệp Sông Đà 707
 - ✓ Từ T04/2010-:-T11/2011: Trưởng ban KT-KH Xí nghiệp Sông Đà 707.1
 - ✓ Từ T11/2011-:-T3/2016 : Nhân viên, phó phòng rời trưởng phòng Kinh tế vật tư cơ giới Chi nhánh Sông Đà 7.07
 - ✓ Từ T03/2016-:-T5/2016 : Phó giám đốc Chi nhánh Sông Đà 707
 - ✓ Từ T5/2016 đến nay : Phó phòng kinh tế đầu tư Công ty CP Sông Đà 7.
- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng Kinh tế Đầu tư Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP
- Số cổ phần của những người có liên quan: không

*** Thành viên thứ ba:**

- Họ và tên: Đặng Quang Hiệu
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1984
 - Nơi Sinh: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2009 – T04/2011: Nhân viên kế toán tại Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T05/2011- T06/2012: Kế toán trưởng CN Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ T07/2012 – T12/2014: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ T04/2015 – T12/2015: Nhân viên P.TCKT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2016 – T07/2016: Phó KTT Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T08/2016 – T10/2016: Quyền KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T11/2016 – Nay: KTT tại Công ty CP Sông Đà 7
 - Chức vụ công tác hiện nay: KTT Công ty CP Sông Đà 7 kiêm thành viên hội HDQT Công ty CP Sông Đà 7, Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 7.04, Trưởng BKS Công ty CP ĐB Cao Nguyên Sông Đà 7.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** Không
 - **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không
 - **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
 - Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Chi đạo Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng thường niên năm 2020 của Công ty.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2020 và các nội dung khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục tập trung thu vốn tại các công trình: Thủy điện Lai Châu; Thủy điện Huội Quảng; Thủy điện Nậm Chiến; Nhà máy xi măng Mai Sơn...và các công trình dự án mà công ty tham gia để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã ban hành 04 nghị quyết trong đó:

+ Nghị quyết về công tác SXKD và công tác khác: 04 nghị quyết

+ Ban hành 01 Quyết định về triệu tập đại hội đồng cổ đông năm 2019

Các cuộc họp của HĐQT năm 2018: Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp 4 lần, các thành viên tham dự như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Hữu Doanh	Chủ Tịch HĐQT	4	100%	
2	Ông Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	4	100%	
3	Ông Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	4	100%	
4	Ông Đặng Quang Hiệu	Thành viên HĐQT	4	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT	4	100%	

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đã được thực hiện theo đúng Quy chế quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán do Bộ tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007.

- **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Công ty chưa có thành viên hội đồng quản trị độc lập.
- **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Đơn vị đào tạo
1	Nguyễn Hữu Doanh	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Trường Đại học quốc gia Hà Nội

2. BAN KIỂM SOÁT

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng ban kiểm soát:

- Họ và tên : Đặng Việt Hùng
- Ngày sinh: 20/4/1972

Trang 30

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Nơi sinh: Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 113146914
- Quê quán: Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Tiến, Thành phố Hòa Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 11/1994 đến tháng 10/2009: Bí thư Chi bộ, Trưởng phòng Tin học, Cục thuế tỉnh Hòa Bình
 - ✓ Từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2014 : Bí thư Chi bộ, Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà Thăng Long tại Hòa Bình.
 - ✓ Từ tháng 5/2014 đến tháng 02/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiên Hà Hòa Bình.
 - ✓ Từ tháng 3/2016 đến 31/12/2018: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Thạch Kim Hòa Bình
- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần đại diện vốn nhà nước : 0 CP
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ nhất:**

- Họ và tên: NGUYỄN CAO SƠN
- Ngày sinh: 30/8/1982
- Nơi sinh: Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Số CMND: 111631612
- Quê quán : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng công trình thủy
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ Năm 2000-:-2005: Học tại Trường Đại học Thủy Lợi
 - ✓ Từ tháng 7/2005-:- 03/2010: Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án Thủy điện Tuyên Quang
 - ✓ Từ tháng 03/2010-:-11/2011: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật thi công an toàn BDH TĐ Lai Châu
 - ✓ Từ tháng 11/2011-:-6/2013: Chuyên viên BDH thi công nhà Quốc hội- TĐSD
 - ✓ Từ tháng 06/2013-:- Nay: Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty CP Sông Đà 7

- Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công ty CP Sông Đà 7
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ hai:**

- Họ và tên : NGUYỄN ANH LAM
- Ngày sinh : 24 / 09 / 1981
- Nơi sinh : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
- Số CMND : 182.151.453
- Quê quán : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế Thủy Lợi
- Quá trình công tác :
 - ✓ Từ 8/2004 -:-12/2005: Nhân viên Ban KTKH Xí nghiệp Sông Đà 705 - Công ty Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2006 -:- T12/2006: Nhân viên Ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T01/2007 -:- T10/2007: Phó trưởng Ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T11/2007 -:- T12/2007: Trưởng ban KTTH Xí nghiệp Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T01/2008 -:- T06/2013: Trưởng phòng KTTH - Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T07/2013 -:- T08/2017: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T09/2017 -:- nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH Bê Tông Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty TNHH Bê Tông Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

• **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

• **Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:** Ông Đặng Quang Hiệu thay Ông Nguyễn Như Huy.

• **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Năm 2019, Ban kiểm soát công ty đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động của công ty, đảm bảo mọi hoạt động của công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Ban kiểm soát

đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi mặt hoạt động của công ty; Cụ thể :

- + Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2019 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty.
 - + Kiểm tra rà soát lại các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của công ty.
 - + Kiểm tra các tờ trình của Tổng giám đốc, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động); nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ hoặc ngoài công ty.
 - + Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
 - + Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.
 - + Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.
 - + Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong tổ chức ĐHCĐ, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
 - + Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết.
 - + Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chứng năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát; tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.
 - + Về quan hệ với cổ đông: Trong năm 2019, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi về Ban kiểm soát để yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các mặt hoạt động của Công ty.
- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
-----	----------------	---------	-------------------------	-------------------	-------------------------

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đặng Việt Hùng	Trưởng ban	3/3	100%	
2	Nguyễn Cao Sơn	TV BKS	3/3	100%	
3	Nguyễn Anh Lam	TV BKS	3/3	100%	

+ Trong năm 2019 các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan; đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông của công ty.

+ Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của công ty.

+ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 và có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

+ Công tác thu hồi vốn tại các công trình Công ty tham gia thi công gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến việc chưa thu xếp được vốn để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn như nợ thuế, nợ lương CBCNV, nợ BHXH, nợ nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Công ty không mở rộng sản xuất, tìm kiếm việc làm mới mà chỉ tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục công trình Công ty đã thi công với chủ đầu tư và tổ chức triển khai thi công dự án Thủy điện Nậm Thi.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Tổng	Ghi chú
.	Hội đồng quản trị			963,928,221	963,928,221	
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT		301,101,345	301,101,345	
2	Đặng Quang Hiệu	KTT thành viên HĐQT		222,970,149	222,970,149	
3	Quất Văn Quang	Thành viên HĐQT		227,745,127	227,745,127	

4	Nguyễn Văn Long	Thành Viên HĐQT		212,111,600	212,111,600	
II	Ban kiểm soát			323,518,390	323,518,390	
1	Đặng Việt Hùng	Trưởng BKS		116,905,138	116,905,138	
1	Nguyễn Cao Sơn	Thành viên BKS		206,613,252	206,613,252	
Tổng cộng (I+II)				1,287,446,611		

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:** Ông Nguyễn Hữu Doanh chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mua 1.444.100 cổ phần SD7.

+ Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7 người nội bộ của Chủ tịch hội đồng quản trị, kế toán trưởng mua 2.500.000 cổ phần SD7

- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người liên quan:**

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch phát sinh trong năm:		Mối quan hệ	Năm 2019	Ghi chú
Mua hàng hóa dịch vụ			7.849.389.337	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	7.849.389.337	
Bán hàng hóa dịch vụ			25.060.752.314	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	25.060.752.314	

Số dư với các bên liên quan như sau:		Mối quan hệ	31/12/2019	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khách hàng			22.345.778.960	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	4.150.236.012	
Phải thu về cho vay			3.300.000.000	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	3.300.000.000	
Phải thu khác:			19.278.929.090	
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	238.929.090	
-	Công ty CP TĐ Cao Nguyên Sông Đà 7	Cổ đông lớn	19.040.000.000	Góp vốn để thực hiện HD BBC
Phải trả người bán			13.739.628.299	
-	Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	13.739.628.299	

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trang 35

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 03/04/2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 310319.006/BCTC.KT5 ngày 31 tháng 03 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính sai kỳ và không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán liên quan đến việc hoàn nhập khoản trích trước được ghi nhận "Thu nhập khác". Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục nên tiếp tục ảnh hưởng đến số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

- Công ty ghi nhận khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam, Công ty Cổ

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of  International

phần Sông Đà 702 của năm 2016 và 2017 vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 dẫn đến chỉ tiêu Chi phí tài chính (Mã số 22) trên báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 phản ánh thừa số tiền: 13.692.018.799 VND.

- Trong năm 2018, Công ty đang ghi nhận vào khoản mục “Thu nhập khác” từ việc hoàn nhập khoản trích trước tiền thí nghiệm liên quan đến thực hiện dự án thủy điện Sơn La của Trung tâm thí nghiệm Sông Đà và Công ty Cổ phần Sông Đà 5, với số tiền là 4.261.156.496 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 26).

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty trích lập thừa dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với khoản đầu tư và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 với số tiền lần lượt là 8.476.098.822 VND và 99.840.000 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” (Mã số 254), chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2019 cùng phản ánh thiếu số tiền là 8.575.938.822 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” (Mã số 22) phản ánh thừa số tiền 8.575.938.822 VND.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty trích lập thiếu dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu số tiền 8.786.942.930 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (Mã số 137), chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2019 cùng phản ánh thừa số tiền là 8.786.942.930 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Mã số 26) phản ánh thiếu số tiền 8.786.942.930 VND.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty phản ánh khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 số tiền 19.040.000.000 VND trên chỉ tiêu Phải thu khác (Thuyết minh số 8). Chúng tôi chỉ thu thập được chứng từ chuyển tiền ngân hàng khoản tiền trên mà không thu thập được các tài liệu liên quan để xác định mục đích của việc chuyển tiền này. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu có liên quan trên Báo cáo tài chính về vấn đề này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3363-2020-002-1

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2019

Trang 38

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		182.683.650.045	189.618.655.697
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.972.674.240	130.246.402
111	1. Tiền		2.972.674.240	130.246.402
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		16.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		163.502.558.370	160.259.804.583
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	133.586.156.658	157.233.538.824
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.958.647.391	1.957.147.391
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.300.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	43.941.996.692	19.550.020.163
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.284.242.371)	(18.480.901.795)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.480.000	29.228.604.712
141	1. Hàng tồn kho		4.480.000	29.228.604.712
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		203.937.435	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		21.532.829	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	182.404.606	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.018.666.369	65.173.446.694
220	I. Tài sản cố định		224.694.917	241.344.946
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	224.694.917	241.344.946
222	- Nguyên giá		12.123.701.309	12.123.701.309
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.899.006.392)	(11.882.356.363)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.452.644.455	44.363.359.635
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.746.413.455	91.304.770.865
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.408.758.778	11.038.758.778
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(28.702.527.778)	(57.980.170.008)
260	III. Tài sản dài hạn khác		19.341.326.997	20.568.742.113
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	19.341.326.997	20.568.742.113
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		229.702.316.414	254.792.102.391

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		107.934.975.115	134.693.683.701
310	I. Nợ ngắn hạn		104.744.994.115	131.503.702.701
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	37.498.417.876	34.729.902.918
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	231.877.800	21.000.513.694
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.240.498.409	6.640.254.950
314	4. Phải trả người lao động		1.323.295.355	1.085.725.629
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	31.888.012.762	49.047.846.290
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	11.559.409.913	15.063.201.220
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	16.003.482.000	3.936.258.000
330	II. Nợ dài hạn		3.189.981.000	3.189.981.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	3.189.981.000	3.189.981.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.767.341.299	120.098.418.690
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	121.767.341.299	120.098.418.690
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		106.000.000.000	106.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.000.000.000	106.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.064.931.325	13.064.931.325
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.702.409.974	1.033.487.365
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.033.487.365	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.668.922.609	1.033.487.365
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		229.702.316.414	254.792.102.391

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 03 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	63.511.356.976	72.656.793.603
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	8.522.306.944
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch		63.511.356.976	64.134.486.659
11	4. Giá vốn hàng bán	22	47.055.212.300	40.106.449.235
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.456.144.676	24.028.037.424
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.142.214.353	10.912.290
22	7. Chi phí tài chính	24	12.050.196.689	24.509.808.199
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.869.041	2.715.522.085
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.640.232.672	8.699.218.337
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		907.929.668	(9.170.076.822)
31	10. Thu nhập khác	26	902.676.034	10.968.232.096
32	11. Chi phí khác	27	141.683.093	764.667.909
40	12. Lợi nhuận khác		760.992.941	10.203.564.187
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.668.922.609	1.033.487.365
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.668.922.609	1.033.487.365
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29		97

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 03 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.668.922.609	1.033.487.365
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(31.990.173.636)	27.501.939.294
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		615.473.330	605.466.300
03	- Các khoản dự phòng		(28.474.301.654)	21.467.366.503
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.142.214.353)	2.713.584.406
06	- Chi phí lãi vay		10.869.041	2.715.522.085
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(30.321.251.027)	28.535.426.659
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		59.940.804	97.117.278.463
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		29.224.124.712	18.372.576.659
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(37.886.041.822)	(84.849.052.070)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		628.591.815	201.628.778
14	- Tiền lãi vay đã trả		(211.198.893)	(12.713.262.382)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(739.560.912)	(1.378.722.155)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(39.245.395.323)	45.285.873.952
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	72.727.273
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.300.000.000)	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		49.297.169.878	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.429.283	10.912.290
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30.020.599.161	83.639.563
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		18.900.000.000	10.932.776.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.832.776.000)	(57.145.577.907)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.067.224.000	(46.212.801.907)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.842.427.838	(843.288.392)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		130.246.402	973.534.794
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.972.674.240</u>	<u>130.246.402</u>

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 03 tháng 04 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400105091, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019 (đăng ký lần đầu số 224.03.000081 ngày 29/12/2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty tại: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La. Hiện nay, Văn phòng Công ty được đặt tại: Số 36 - V5A, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 106.000.000.000 đồng; tương đương 10.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là thiết kế, xây dựng và tư vấn giám sát các công trình thủy điện và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, công trình Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Nậm Thi 2 và các công trình khác (mà công ty là nhà thầu) không còn tiếp tục hoạt động thi công các hạng mục nữa. Công ty tập trung quyết toán những hạng mục tồn đọng và thu hồi lượng vốn toàn bộ tại các công này. Điều này dẫn đến Doanh thu và giá vốn năm 2019 biến động mạnh, Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 7.571.892.748 đồng, tương ứng 31,5% so với năm trước. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện tìm kiếm hợp đồng xây lắp phù hợp với năng lực của mình. Đồng thời, Công ty dự kiến sẽ chuyển hoạt động kinh doanh chính sang cho thuê văn phòng, máy móc, thiết bị. Hoạt động cho thuê văn phòng, máy móc, thiết bị cùng với nguồn lực về tài sản sẵn có, quan hệ khách hàng lâu năm sẽ giúp kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng trong thời gian tới.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình công nghiệp
Chi nhánh Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hà Nội hạch toán độc lập và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Công ty xác định dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình, sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công, chi phí thí nghiệm và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát

hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây lắp các công trình thủy điện ở miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	99.931.941	9.837.283
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.872.742.299	120.409.119
	<u>2.972.674.240</u>	<u>130.246.402</u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-
	<u>16.000.000.000</u>	<u>16.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng có giá trị 16.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Kinh đô - Phòng giao dịch Hà Tây với lãi suất 8%/năm.

Mã chứng khoán	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty liên kết	41.746.413.455	(20.887.030.000)	91.304.770.865	(50.164.672.230)
Công ty CP Sông Đà 7.02 ⁽ⁱ⁾	41.746.413.455	(20.887.030.000)	41.746.413.455	(8.867.502.352)
Công ty CP Thủy điện Nậm He ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	49.558.357.410	(41.297.169.878)
Các khoản đầu tư khác	14.408.758.778	(7.815.497.778)	11.038.758.778	(7.815.497.778)
Công ty CP Thủy điện Nậm He ⁽ⁱⁱ⁾	3.370.000.000	-	-	-
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.060.400.000	(5.051.000.000)	6.060.400.000	(5.051.000.000)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà ^(iv)	1.100.000.000	(1.100.000.000)	1.100.000.000	(1.100.000.000)
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	1.140.581.000	-	1.140.581.000	-
Công ty CP Sông Đà 7.04 ^(v)	2.737.777.778	(1.664.497.778)	2.737.777.778	(1.664.497.778)
	56.155.172.233	(28.702.527.778)	102.343.529.643	(57.980.170.008)
	1.173.120.000	(1.664.497.778)	1.073.280.000	(1.664.497.778)

⁽ⁱ⁾ Công ty trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 căn cứ vào giá trị ước tính có thể thu hồi được của khoản đầu tư.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 02/2019/HĐCN/SD 7 - SDHL, ngày 01/02/2019 giữa bên chuyển nhượng Công ty Cổ phần Sông Đà 7 và bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chuyển nhượng 4.618.836 cổ phần phổ thông tương đương với giá trị cổ phần 46.188.357.410 VND tại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He với tổng giá trị chuyển nhượng là 8.000.000.000 VND. Lãi của giao dịch bán khoản đầu tư này là 3.108.812.468 VND (Thuyết minh số 23). Sau giao dịch này, Công ty còn sở hữu 300.000 cổ phiếu tương đương giá trị theo mệnh giá là 3.000.000.000 VND và không còn là Công ty liên kết của Công ty.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam dựa trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty này.

(6) Tại ngày 31/12/2019, theo thông tin từ Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, mã số thuế 5700646454 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Đồng thời, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này tại ngày 31/12/2019, do đó Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà.

(v) Tại ngày 31/12/2019, Công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 căn cứ theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2019 trên sàn giao dịch HNX đối với cổ phiếu của Công ty này là 4.700 VND/cổ phiếu. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo mức giá này.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty liên kết Nơi thành lập và hoạt động

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	4.177.406	34,81%	34,81%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư Nơi thành lập và hoạt động

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam	Thành phố Hà Nội	606.040	19,00%	19,00%	Sản xuất và kinh doanh sắt xấp xỉ phôi thép
Công ty CP Thủy điện Nậm He	Tỉnh Điện Biên	300.000	2,31%	2,31%	Thủy điện
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	Tỉnh Quảng Ninh	114.058	0,95%	4,18%	Thủy điện
Công ty CP Sông Đà 7.04	Tỉnh Sơn La	249.600	3,85%	3,85%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	110.000	15,98%	15,98%	Xây dựng

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	31.895.148.626	-	49.035.904.747	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Sơn La	7.809.268.832	-	7.809.268.832	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	65.465.535.880	-	71.176.838.338	-
Ban Quản lý dự án thủy điện 1	3.086.565.351	-	2.975.614.587	-
Tổng Công ty Licogi - CTCP	10.995.666.020	-	11.795.666.020	-
Các đối tượng khác	14.333.971.949	(2.448.978.269)	14.440.246.300	(1.645.637.693)
	133.586.156.658	(2.448.978.269)	157.233.538.824	(1.645.637.693)
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.150.236.012	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp số dư lớn				
- Công ty CP Sông Đà 6	213.180.000	-	213.180.000	-
- Các đối tượng khác	1.745.467.391	(942.145.500)	1.743.967.391	(942.145.500)
	1.958.647.391	(942.145.500)	1.957.147.391	(942.145.500)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 ⁽¹⁾	3.300.000.000	-	-	-
	3.300.000.000	-	-	-
Phải thu về cho vay các bên liên quan	3.300.000.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

⁽¹⁾ Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 theo hợp đồng số: 01/2019/ HĐVV/SĐ 7.02-SĐ 7 ngày 20/12/2019 với mục đích hỗ trợ Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất 10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2019 là 3.300.000.000 VND.

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu công nợ tạm ứng	7.641.022.665	-	3.370.022.665	-
Phải thu khác	36.294.974.027	(15.893.118.602)	16.173.997.498	(15.893.118.602)
- Tiền tạm ứng các đối tượng đã nghỉ việc	9.527.378.020	(9.464.303.579)	9.535.531.002	(9.464.303.579)
- Bà Trần Thị Tuyết - Tiền chuyển nhượng cổ phần ⁽ⁱ⁾	1.025.000.000	(1.025.000.000)	1.025.000.000	(1.025.000.000)
- Công ty CP Sông Đà 705 - Tiền ứng vốn SXKD ⁽ⁱⁱ⁾	4.751.036.818	(4.751.036.818)	4.751.036.818	(4.751.036.818)
- Công ty CP Sông Đà 7.04	238.929.090	(238.929.090)	238.929.090	(238.929.090)
- Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.009.972.602	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	19.040.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	702.657.497	(413.849.115)	623.500.588	(413.849.115)
	43.941.996.692	(15.893.118.602)	19.550.020.163	(15.893.118.602)
Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	19.278.929.090	(238.929.090)	238.929.090	(238.929.090)

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)

⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu Bà Trần Thị Tuyết về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 06/2010/HĐCNCP từ năm 2010.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Sông Đà 705 vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2019 Công ty không tính lãi khoản vay này.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	17.523.867.793	15.074.889.524	1.645.637.693	-
Trả trước cho người bán	1.957.147.391	1.015.001.891	942.145.500	-
Phải thu khác	16.125.810.421	232.691.819	15.964.346.025	71.227.423
- Công ty CP Sông Đà 7.05	4.751.036.818	-	4.751.036.818	-
- Bà Trần Thị Tuyết	1.025.000.000	-	1.025.000.000	-
- Các đối tượng đã nghỉ việc	9.527.378.020	63.074.441	9.535.531.002	71.227.423
- Các đối tượng khác	822.395.583	169.617.378	652.778.205	-
	35.606.825.605	16.322.583.234	18.552.129.218	71.227.423

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.480.000	-	4.480.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	29.224.124.712	-
- Công trình Thủy điện Lai Châu	-	-	2.709.417.196	-
- Công trình Thủy điện Nậm Thi 2	-	-	22.985.196.516	-
- Các công trình khác	-	-	3.529.511.000	-
	4.480.000	-	29.228.604.712	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.638.137.904	2.152.464.165	333.099.240	12.123.701.309
Số dư cuối năm	9.638.137.904	2.152.464.165	333.099.240	12.123.701.309
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9.407.864.623	2.141.392.500	333.099.240	11.882.356.363
- Khấu hao trong năm	5.578.364	11.071.665	-	16.650.029
Số dư cuối năm	9.413.442.987	2.152.464.165	333.099.240	11.899.006.392
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	230.273.281	11.071.665	-	241.344.946
Tại ngày cuối năm	224.694.917	-	-	224.694.917

- Giá trị còn lại cuối năm tài chính của các TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 224.694.917 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.703.621.311 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng	79.177.593	707.769.405
Tiền thuê dài hạn văn phòng làm việc ⁽¹⁾	19.262.149.404	19.860.972.708
	19.341.326.997	20.568.742.113

⁽¹⁾ Chi phí thuê dài hạn trả tiền một lần đối với phần diện tích tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho thời gian sử dụng còn lại là 40 năm từ thời điểm nhận bàn giao sử dụng (quý 3 năm 2011).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	13.739.628.299	13.739.628.299	9.664.507.438	9.664.507.438
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	-	-	3.426.689.174	3.426.689.174
- Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
- Các đối tượng khác	21.465.924.213	21.465.924.213	19.345.840.942	19.345.840.942
	37.498.417.876	37.498.417.876	34.729.902.918	34.729.902.918
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Sơn	1.300.916.698	1.300.916.698	2.292.865.364	2.292.865.364
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.748.802.415	2.748.802.415	2.292.865.364	2.292.865.364
	6.342.584.477	6.342.584.477	6.878.596.092	6.878.596.092
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	13.739.628.299	13.739.628.299	9.664.507.438	9.664.507.438

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

a) Người mua trả trước chi tiết theo đối tượng có số dư lớn

- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02
- Các đối tượng khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
	-	20.321.375.894
	231.877.800	679.137.800
	231.877.800	21.000.513.694
	-	20.321.375.894

b) Người mua trả trước là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	382.344.041	4.789.864.637	5.354.613.284	182.404.606	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.367.998	-	-	-	14.367.998
Thuế thu nhập cá nhân	-	299.053.041	134.787.500	132.800.000	-	301.040.541
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.944.489.870	-	19.400.000	-	5.925.089.870
	-	6.640.254.950	4.924.652.137	5.506.813.284	182.404.606	6.240.498.409

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.948.032.009	4.148.361.861
Trích trước chi phí thi công	27.879.980.753	44.839.484.429
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Lai Châu	3.926.946.264	20.886.449.940
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Nậm Chiến	14.010.353.022	14.010.353.022
- Chi phí thi công công trình Thủy điện Bàn Chát	3.970.382.039	3.970.382.039
- Chi phí thi công các công trình khác	5.972.299.428	5.972.299.428
Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.000.000
	31.888.012.762	49.047.846.290

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.361.927.828	1.389.337.580
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	688.974.000	126.270.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.508.508.085	13.547.593.640
- Cổ tức phải trả	193.335.520	193.335.520
- Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	658.978.660	715.068.660
- Phải trả Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	-	3.095.214.838
- Phải trả Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
- Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
- Phải trả tiền ủy thác mua cổ phần của CBCNV	3.320.238.541	4.003.709.453
- Phải trả khác	3.456.003.682	3.660.313.487
	11.559.409.913	15.063.201.220
b) Dài hạn		
Phải trả Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tiền ủy thác mua cổ phần	1.040.000.000	1.040.000.000
Phải trả CBCNV tiền ủy thác mua cổ phần	2.149.981.000	2.149.981.000
	3.189.981.000	3.189.981.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cổ tức phải trả	193.335.520	193.335.520
Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	658.978.660	715.068.660
Phải trả Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
Phải trả các đối tượng khác	123.530.712	123.530.712
	2.855.796.574	2.911.886.574
d) Phải trả khác là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	-	3.095.214.838

18. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	3.482.000	3.482.000	-	-	3.482.000	3.482.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Phòng giao dịch Hà Tây	-	-	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Cao nguyên Sông Đà	3.932.776.000	3.932.776.000	2.900.000.000	6.832.776.000	-	-
	3.936.258.000	3.936.258.000	18.900.000.000	6.832.776.000	16.003.482.000	16.003.482.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức khác của Công ty như sau:

	Lãi suất		Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2019		01/01/2019	
	Loại tiền	năm			Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn								
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	VND	Thả nổi	Thế chấp bằng tài sản ⁽ⁱ⁾	Bổ sung vốn lưu động	3.482.000	3.482.000	-	3.482.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Phòng giao dịch Hà Tây	VND	Thả nổi	Thế chấp bằng tài sản ⁽ⁱ⁾	Bổ sung vốn lưu động	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cao nguyên Sông Đà	VND	9,90%	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động	-	-	3.932.776.000	3.932.776.000
					16.003.482.000	16.003.482.000	3.936.258.000	3.936.258.000

⁽ⁱ⁾ Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	106.000.000.000	30.660.834.008	(17.595.902.683)	119.064.931.325	119.064.931.325
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.033.487.365	1.033.487.365
Bù lỗ bằng Quý đầu tư phát triển	-	(17.595.902.683)		17.595.902.683	-
Số dư cuối năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325		1.033.487.365	120.098.418.690
Số dư đầu năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325		1.033.487.365	120.098.418.690
Lãi trong năm nay	-	-		1.668.922.609	1.668.922.609
Số dư cuối năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325		2.702.409.974	121.767.341.299

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Hữu Doanh	21.021.000.000	19,83%	11.580.000.000	10,92%
Ông Nguyễn Hữu Chuẩn	-	0,00%	8.448.000.000	7,97%
Ông Nguyễn Trọng Khoa	8.000.000.000	7,55%	8.000.000.000	7,55%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	25.000.000.000	23,58%	-	0,00%
Các cổ đông khác	51.979.000.000	49,04%	77.972.000.000	73,56%
Cộng	106.000.000.000	100%	106.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	106.000.000.000	106.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	106.000.000.000	106.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.600.000	10.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.600.000	10.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.600.000	10.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.064.931.325	13.064.931.325
	13.064.931.325	13.064.931.325

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn	90.653.941.746	90.653.941.746
	90.973.941.746	90.653.941.746

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	60.940.560.076	70.185.813.917
Doanh thu hoạt động khác	2.570.796.900	2.470.979.686
	63.511.356.976	72.656.793.603
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>	25.060.752.314	4.151.630.004

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	45.205.208.689	38.066.337.939
Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh khác	1.850.003.611	2.040.111.296
	47.055.212.300	40.106.449.235

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.033.401.885	10.912.290
Lãi bán khoản đầu tư	3.108.812.468	-
	4.142.214.353	10.912.290

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.869.041	2.715.522.085
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.795.009.632
Dự phòng tổn thất đầu tư	12.019.527.648	18.908.287.391
Chi phí tài chính khác	19.800.000	90.989.091
	12.050.196.689	24.509.808.199

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.127.745	250.396.005
Chi phí nhân công	4.494.406.872	4.167.741.364
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	329.563.140	276.566.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.650.029	6.642.999
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	803.340.576	2.559.079.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.268.167.179	1.223.349.967
Chi phí khác bằng tiền	566.977.131	212.441.970
	7.640.232.672	8.699.218.337

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	70.512.936
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng ⁽ⁱ⁾	902.676.034	-
Thu từ xử lý công nợ phải trả	-	622.526.400
Thu từ lãi ngân hàng được miễn giảm	-	6.009.659.723
Thu từ giảm trừ trích trước chi phí	-	4.261.156.496
Các khoản khác	-	4.376.541
	902.676.034	10.968.232.096

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản phạt do khách hàng thuê văn phòng tại tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mỹ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội hủy hợp đồng thuê.

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Xử lý các khoản công nợ phải thu cá nhân khác	-	103.557.124
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm và phạt vi phạm hành chính	1.718.793	202.488.553
Chi phí thực hiện dự án Khu nhà vườn sinh thái Đồng Quang và Khu đô thị Đồng Quang	-	320.000.000
Các khoản khác	139.964.300	138.622.232
	141.683.093	764.667.909

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.668.922.609	1.033.487.365
Các khoản điều chỉnh tăng	1.718.793	522.488.553
- Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm và phạt vi phạm hành chính	1.718.793	202.488.553
- Chi phí thực hiện Dự án Khu nhà vườn sinh thái Đồng Quang và Khu đô thị Đồng Quang	-	320.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.670.641.402)	(1.555.975.918)
- Chuyển lỗ năm trước	(1.670.641.402)	(1.555.975.918)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	14.367.998	14.367.998
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	14.367.998	14.367.998

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.668.922.609	1.033.487.365
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.668.922.609	1.033.487.365
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.600.000	10.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	157	97

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.882.469.569	5.210.485.610
Chi phí nhân công	4.494.406.872	8.739.551.771
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	329.563.140	292.226.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.650.029	6.642.999
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	803.340.576	2.559.079.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.560.714.660	13.966.619.624
Chi phí khác bằng tiền	1.381.175.414	678.364.231
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	25.471.320.260	31.455.969.790

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	2.972.674.240	-	130.246.402	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	177.528.153.350	(18.342.096.871)	176.783.558.987	(17.538.756.295)
Các khoản cho vay	19.300.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	2.737.777.778	(1.664.497.778)	2.737.777.778	(1.664.497.778)
Cộng	202.538.605.368	(20.006.594.649)	179.651.583.167	(19.203.254.073)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	16.003.482.000	3.936.258.000
Phải trả người bán, phải trả khác	52.247.808.789	52.983.085.138
Chi phí phải trả	31.888.012.762	49.047.846.290
Cộng	100.139.303.551	105.967.189.428

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư dài hạn	-	1.073.280.000	-	1.073.280.000
Cộng	-	1.073.280.000	-	1.073.280.000
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	1.073.280.000	-	1.073.280.000
Cộng	-	1.073.280.000	-	1.073.280.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019			
Tiền	2.972.674.240	-	2.972.674.240
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.186.056.479	-	159.186.056.479
Các khoản cho vay	19.300.000.000	-	19.300.000.000
Cộng	181.458.730.719	-	181.458.730.719
Tại ngày 01/01/2019			
Tiền	130.246.402	-	130.246.402
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.244.802.692	-	159.244.802.692
Cộng	159.375.049.094	-	159.375.049.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
 CHỖ CHỮ KÝ

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019			
Vay và nợ	16.003.482.000	-	16.003.482.000
Phải trả người bán, phải trả khác	49.057.827.789	3.189.981.000	52.247.808.789
Chi phí phải trả	31.888.012.762	-	31.888.012.762
Cộng	96.949.322.551	3.189.981.000	100.139.303.551
Tại ngày 01/01/2019			
Vay và nợ	3.936.258.000	-	3.936.258.000
Phải trả người bán, phải trả khác	49.793.104.138	3.189.981.000	52.983.085.138
Chi phí phải trả	49.047.846.290	-	49.047.846.290
Cộng	102.777.208.428	3.189.981.000	105.967.189.428

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Theo Phụ lục hợp đồng số 02/2016/PLHD/SĐ7-XMMB của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 11/2016/SĐ7-XMMB/ĐHCNVG, danh mục các khoản công nợ phải trả của Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn là 10.995.537.517 VND. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 có trách nhiệm thanh toán số nợ chênh lệch 1.597.129.556 VND (10.995.537.517 VND - 9.398.407.961 VND) đang theo dõi trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn tại thời điểm chuyển nhượng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, chưa có Biên bản làm việc giữa các bên có liên quan về nghĩa vụ thanh toán khoản công nợ này.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua vật tư và dịch vụ		7.849.389.337	4.347.426.578
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	7.849.389.337	4.347.426.578
Doanh thu xây lắp		25.060.752.314	4.151.630.004
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	25.060.752.314	4.151.630.004

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng		4.150.236.012	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	4.150.236.012	-
Phải thu về cho vay		3.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	3.300.000.000	-
Phải thu khác		19.278.929.090	238.929.090
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	238.929.090	238.929.090
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Cổ đông lớn	19.040.000.000	-
Phải trả người bán		13.739.628.299	9.664.507.438
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	13.739.628.299	9.664.507.438
Người mua trả tiền trước		-	20.321.375.894
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	20.321.375.894
Phải trả khác		-	3.095.214.838
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	-	3.095.214.838

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	301.101.345	325.242.523
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	423.335.719	1.034.881.193

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu



Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Doanh
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 03 tháng 04 năm 2020



Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2020
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7



Trang 70

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

tiểu khu V, TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn